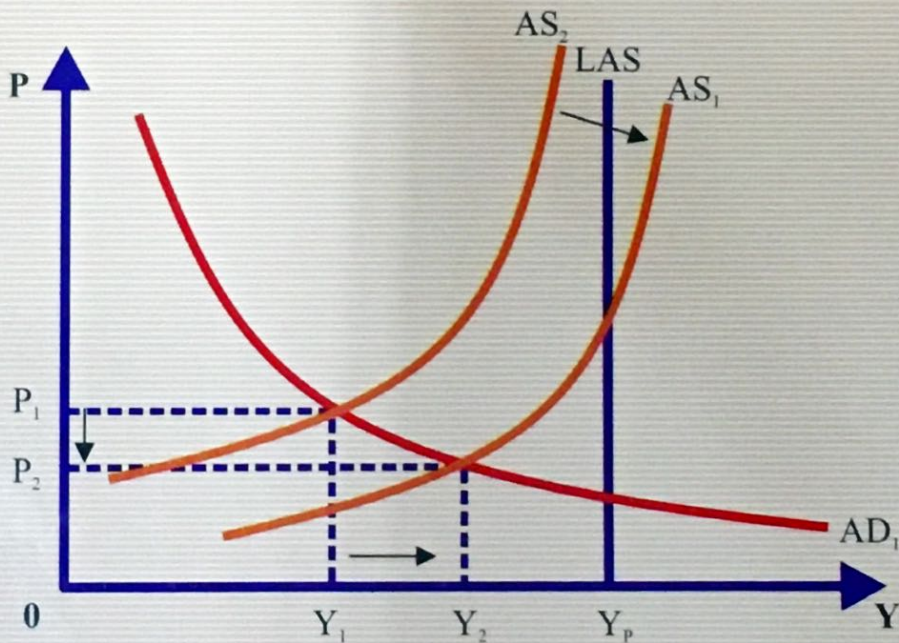




TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Giáo trình **KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG**



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

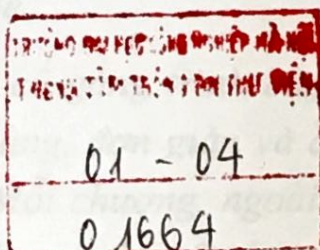


TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

TS. Vũ Đình Khoa (Chủ biên)

TS. Hà Thành Công - Ths. Nguyễn Mạnh Cường

Giáo trình **KINH TẾ HỌC ỨNG DỤNG**



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2019

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh tế học là những kiến thức cơ sở nhằm hình thành, phát triển tư duy kinh tế đối với mọi người không phân biệt người đó làm nghề gì và ở đâu. Vì là kiến thức cơ sở nên để nghiên cứu hiệu quả, thông thường người học, nhà nghiên cứu phải giả định các vấn đề nghiên cứu được đặt trong điều kiện lý tưởng, những yếu tố nghiên cứu thì tự do biến đổi theo thời gian còn các yếu tố khác thì cố định không đổi theo thời gian... những điều này làm cho kinh tế học mang nặng lý luận, nhằm tưởng rằng khó vận dụng vào thực tế.

Để thay đổi một phần quan điểm đó, tập thể tác giả đã biên soạn ra cuốn giáo trình **“Kinh tế học ứng dụng”**, nhằm truyền tải đến cho người học hiểu về những vấn đề cơ bản của kinh tế học được ứng dụng vào hoạt động hàng ngày của cuộc sống, như phân tích quan hệ cung cầu trên thị trường hàng hóa dưới góc độ doanh nghiệp; Thị trường yếu tố sản xuất; Tăng trưởng và phát triển kinh tế; Hỗn hợp chính sách tài khóa tiền tệ.

Tập thể tác giả đã cố gắng trình bày các vấn đề của nội dung giáo trình một cách rõ ràng, đơn giản và dễ hiểu nhất, theo cấu trúc logic gồm bốn chương. Mỗi chương, ngoài lý thuyết còn có các ví dụ minh họa, vấn đề ứng dụng, các câu hỏi tình huống ứng dụng thực hành. Kết cấu của giáo trình gồm:

Chương 1: Thị trường hàng hóa do TS. Vũ Đình Khoa biên soạn.

Chương 2: Thị trường yếu tố đầu vào do Ths. Nguyễn Mạnh Cường biên soạn.

Chương 3: Tăng trưởng kinh tế và cơ chế hoạt động do TS. Vũ Đình Khoa biên soạn.

Chương 4: Chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản do TS. Hà Thành Công biên soạn.

Trong quá trình biên soạn, tập thể tác giả cũng ý thức được rằng những vấn đề ứng dụng của các doanh nghiệp đa dạng, linh hoạt, tiêu chuẩn khác nhau trong nền kinh tế thị trường luôn vận động và biến đổi không ngừng. Do đó, trong giáo trình này không thể trình bày hết những vấn đề ứng dụng kinh tế đặt ra và không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

TẬP THỂ TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
CHƯƠNG 1: THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA	13
A. LÝ THUYẾT	13
1.1. Mục đích của việc nghiên cứu thị trường hàng hóa	13
1.2. Những vấn đề cơ bản về thị trường hàng hóa	14
1.2.1. Khái niệm về thị trường hàng hóa	14
1.2.2. Khái niệm về thị trường cạnh tranh	15
1.2.3. Các yếu tố cấu thành thị trường hàng hóa	17
1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung - cầu trên thị trường hàng hóa	17
1.2.5. Mô hình cân bằng cung cầu trên thị trường hàng hóa	20
1.3. Quá trình ra quyết định của các doanh nghiệp	21
1.3.1. Hành vi của các doanh nghiệp trong quá trình ra quyết định	21
1.3.2. Quyết định mức sản lượng và giá của các doanh nghiệp	23
B. ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA	27
1.4. Cầu thị trường	27
1.5. Cung thị trường	33
1.6. Cân bằng thị trường	35
1.7. Cách nhìn khác về mô hình cầu tuyến tính	39
1.8. Mô hình thị trường hàng hóa với hai hàng hóa liên quan	45
TÓM TẮT CHƯƠNG	47
CÂU HỎI ÔN TẬP	48
CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG YẾU TỐ ĐẦU VÀO	52
A. LÝ THUYẾT	52
2.1. Mục đích nghiên cứu thị trường các yếu tố sản xuất	52
2.2. Khái quát chung về thị trường yếu tố đầu vào	54

2.2.1. Khái niệm	54
2.2.2. Dòng chu chuyển trên thị trường yếu tố đầu vào	55
2.2.3. Cầu đối với các yếu tố sản xuất là cầu thứ phát	56
2.2.4. Sản phẩm doanh thu biên (MPR - Marginal Revenue Product)	57
2.3. Thị trường lao động	60
2.3.1. Cầu lao động	60
2.3.2. Cung về lao động	63
2.3.3. Cân bằng thị trường lao động	67
2.4. Cung và cầu về vốn	68
2.4.1. Vốn hiện vật và vốn tài chính	68
2.4.2. Tiền thuê, lãi suất và giá cả của tài sản	68
2.4.3. Cầu về vốn	70
2.4.4. Cung về vốn	71
2.4.5. Cân bằng và sự điều chỉnh vốn trên thị trường	72
2.5. Cung, cầu về đất đai	74
2.5.1. Cung và cầu về đất đai	74
2.5.2. Tiền thuê đất đai và giá cả của đất đai.	77
B. ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT THỊ TRƯỜNG YẾU TỐ SẢN XUẤT	78
2.6. Phân tích hành vi của doanh nghiệp	78
2.6.1. Hành vi của doanh nghiệp trong ngắn hạn.	78
2.6.2. Hành vi của doanh nghiệp trong dài hạn.	83
2.7. Thị trường các yếu tố đầu vào tại Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới	92
2.7.1. Phân tích thị trường các yếu tố đầu vào ở Việt Nam hiện nay	92
2.7.2. Kinh nghiệm điều tiết thị trường lao động của một số quốc gia	109
TÓM TẮT CHƯƠNG	114
CÂU HỎI ÔN TẬP	115

CHƯƠNG 3: TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG

A. LÝ THUYẾT	118
3.1. Mục đích nghiên cứu tăng trưởng kinh tế	118
3.2. Khái quát về tăng trưởng kinh tế	119
3.2.1. Khái niệm về tăng trưởng kinh tế	119
3.2.2. Khái niệm tăng trưởng xanh	120
3.2.3. Thước đo tăng trưởng kinh tế	121
3.3. Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế	126
3.3.1. Mô hình Harrod - Domar	127
3.3.2. Những vấn đề cơ bản của mô hình Solow	132
3.3.3. Lý thuyết tăng trưởng mới	138
3.4. Cơ chế hoạt động của tăng trưởng kinh tế	152
3.4.1. Tổng cung (AS)	152
3.4.2. Tổng cầu (AD)	153
3.4.3. Sự cân bằng tổng cung - tổng cầu	153
B. ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	155
3.5. Vận dụng mô hình kinh tế Keynes giải thích khủng hoảng kinh tế Mỹ	155
TÓM TẮT CHƯƠNG	164
CÂU HỎI ÔN TẬP	165

CHƯƠNG 4: CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ CƠ BẢN

A. LÝ THUYẾT	167
4.1. Chính sách tài khóa	167
4.1.1. Khái niệm	167
4.1.2. Chính sách tài khóa trong lý thuyết	168
4.1.3. Chính sách tài khóa trong thực tế	170
4.1.4. Chính sách tài khóa và vấn đề thâm hụt ngân sách	173

4.2. Chính sách tiền tệ	178
4.2.1. Khái niệm	178
4.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ	178
4.2.3. Các công cụ của chính sách tiền tệ	182
4.2.4. Hạn chế của chính sách tiền tệ	184
4.3. Hỗn hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ (Mô hình IS - LM)	185
4.3.1. Đường LM	185
4.3.2. Đường IS	187
4.3.3. Mô hình IS - LM	189
B. BÀI TẬP ỨNG DỤNG	196
4.4. Thực tiễn phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ Việt Nam giai đoạn 2008-2013	196
TÓM TẮT CHƯƠNG	201
CÂU HỎI ÔN TẬP	204
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	207

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt
1	AD	Aggregate Demand	Tổng cầu của nền kinh tế
2	AE	Aggregate Expenditure	Tổng chi tiêu
3	AS	Aggregate Supply	Tổng cung của nền kinh tế
4	B	Budget	Ngân sách chính phủ
5	C	Consumption	Chi tiêu cá nhân, hộ gia đình
6	CPI	Consumer Price Index	Chỉ số giá tiêu dùng
7	D _{GDP}	GDP Deflator	Chỉ số điều chỉnh GDP
8	D _p	Depreciation	Khấu hao
9	G	Government Purchases	Chi tiêu chính phủ
10	GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
11	GNP	Gross National Product	Tổng sản phẩm quốc dân
12	GO	Gross Output	Giá trị sản lượng
13	I	Investment	Đầu tư
14	IC	Intermediate Consumption	Chi phí trung gian ngành
15	I _f	Inflation Rate	Tỷ lệ lạm phát
16	LDCs	The Less Developed Countries	Quốc gia kém phát triển
17	M	Imports	Nhập khẩu
18	MPC	The Marginal Propensity to Consume	Chi tiêu cận biên
19	MPI	The Marginal Propensity to Investment	Đầu tư cận biên
20	MPM	The Marginal Propensity to Imports	Nhập khẩu cận biên
21	MPS	The Marginal Propensity to Saving	Tiết kiệm cận biên
22	NX	Net Exports	Xuất khẩu ròng

STT	Từ viết tắt	Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt
23	PPF	Production Possibilities Frontier	Đường giới hạn khả năng sản xuất
24	PPI	Producer Price Index	Chỉ số giá sản xuất
25	PPP	Purchasing Power Parity	Giá sức mua tương đương
26	R	Rent	Tiền thuê đất đai, nhà
27	R&D	Research and Development	Nghiên cứu và phát triển
28	S	Saving	Tiết kiệm
29	T	Taxes	Thuế
30	Te	Indirect tax	Thuế gián thu
31	Tr	Transfer	Khoản chuyển giao
32	U	Unemployment Rate	Tỷ lệ thất nghiệp
33	U _N	Natural Rate of Unemployment	Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên
34	VA	Value Added	Giá trị gia tăng
35	W	Wage	Tiền lương
36	X	Exports	Xuất khẩu

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Trạng thái cân bằng	14
Hình 1.2: Công ty và môi trường của công ty	15
Hình 1.3: Doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh	17
Hình 1.4: Doanh nghiệp trong thị trường độc quyền	18
Hình 1.5: Mô hình thị trường không nhất quán	29
Hình 2.1: Dòng chu chuyển trên thị trường yếu tố	39
Hình 2.2: Dạng đồ thị MRP	42
Hình 2.3: Cầu đối với lao động.	43
Hình 2.4: Đồ thị biểu diễn đường cung về lao động trên thị trường	45
Hình 2.5: Vòng cung ngược	47
Hình 2.6: Đường cầu về dịch vụ vốn	50
Hình 2.7: Đường cung dịch vụ vốn	51
Hình 2.8: Cân bằng trên thị trường dịch vụ vốn	52
Hình 2.9: Những điều chỉnh trên thị trường dịch vụ vốn	52
Hình 2.10: Cung về đất đai	53
Hình 2.11: Cầu về đất đai	54
Hình 2.12: Cân bằng cung và cầu về đất đai	55
Hình 2.13: Cân bằng cung và cầu về đất đai	55
Hình 2.14: Lựa chọn của doanh nghiệp	58
Hình 2.15: Minh họa đường đẳng lượng	61
Hình 2.16: Đường đẳng phí	63
Hình 2.17: Lựa chọn kết hợp đầu vào của doanh nghiệp	64
Hình 2.18: Cầu dài hạn của doanh nghiệp	66
Hình 3.1: Sản xuất, tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư	96
Hình 3.2: Đường đẳng lượng chữ L	99
Hình 3.3: Đường đẳng lượng	100
Hình 3.4: Hàm sản xuất trong mô hình Tăng trưởng Solow	101
Hình 3.5: Tổng cung trong ngắn hạn	113
Hình 3.6: Tổng cung trong dài hạn	113
Hình 3.7: Tổng cầu của nền kinh tế	114

Hình 3.8: Cân bằng tổng cung - tổng cầu của nền kinh tế	115
Hình 3.9: Tổng cầu tăng	115
Hình 3.10: Tổng cung tăng	116
Hình 4.1: Chính sách tài khoá mở rộng	126
Hình 4.2: Chính sách tài khoá thắt chặt	126
Hình 4.3: : Biến động lãi suất khi mức cung tiền xác định	134
Hình 4.4: Biến động mức cung tiền khi lãi suất xác định	135
Hình 4.5: Mô hình đường LM	141
Hình 4.6: Đường LM nằm ngang khi lãi suất quá thấp, thẳng đứng khi lãi suất quá cao và dốc lên phía phải khi lãi suất ở giữa hai khoảng trên.	141
Hình 4.7: Đường LM dịch sang phải khi cung tiền tăng.	142
Hình 4.8: Mô hình đường IS	142
Hình 4.9: Cân bằng IS - LM trong nền kinh tế đóng	144
Hình 4.10: Ảnh hưởng của chính sách tài chính mở rộng trong ngắn hạn, tỷ giá hối đoái thả nổi.	146
Hình 4.11: Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ mở rộng trong ngắn hạn, tỷ giá hối đoái thả nổi.	147
Hình 4.12: Ảnh hưởng của chính sách hạn chế thương mại với tỷ giá hối đoái thả nổi, trong ngắn hạn.	148
Hình 4.13: Ảnh hưởng của chính sách tài khóa mở rộng trong điều kiện tỷ giá hối đoái cố định	149
Hình 4.14: Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ mở rộng trong điều kiện tỷ giá hối đoái cố định	149
Hình 4.15: Ảnh hưởng của chính sách hạn chế thương mại trong điều kiện tỷ giá hối đoái cố định.	150

Chương 1

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Khi gió mùa Đông Bắc tràn về miền Bắc, giá thiết bị sưởi ấm trong các siêu thị tăng lên. Khi mùa đông qua đi, mùa xuân đến, giá rau miền Nam có xu hướng giảm. Cuộc chiến dầu đá phiến giữa các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và Mỹ, giá xăng trên thị trường thế giới giảm và giá ô tô bán tải tăng. Những sự kiện này có điểm gì chung? Tất cả đều cho thấy hoạt động cung và cầu. Cung và cầu là lực lượng làm cho thị trường, nền kinh tế thị trường hoạt động. Thông qua thị trường, lực lượng tham gia xác định số lượng sản phẩm được sản xuất và giá bán. Nếu bạn muốn biết bất kỳ sự kiện hoặc chính sách nào sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế, đầu tiên chúng ta nên nghĩ về việc nó sẽ ảnh hưởng đến cung và cầu như thế nào. Chương này giới thiệu lý thuyết cung và cầu. Nó xem xét hành vi của người mua và người bán cư xử và cách họ tương tác với nhau. Nó cho thấy cung và cầu xác định giá như thế nào trong nền kinh tế thị trường và làm thế nào để giá cả phân bổ nguồn lực khan hiếm của nền kinh tế.

A. LÝ THUYẾT

1.1. Mục đích của việc nghiên cứu thị trường hàng hóa

Khi thời tiết Hà Nội nắng nóng, giá cốc nước mía tại các quán nước tăng lên. Khi thời tiết mùa đông ở miền Bắc lạnh kéo dài, số lượng máy sưởi được tiêu thụ tăng, giá máy sưởi có xu hướng tăng lên. Khi chiến tranh nổ ra ở Trung Đông, giá xăng tại Mỹ tăng và giá của xe bán tải rớt giá. Những sự kiện này có điểm gì chung? Nó đều cho thấy các hoạt động của cung và cầu trên thị trường.

Cung và cầu là hai từ mà các nhà kinh tế sử dụng thường xuyên, và lý giải tốt nhất. Cung và cầu là những lực lượng tạo cho các nền